

**MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ
MÔN NGỮ VĂN – LỚP 10**

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	TL	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Sử thi, thần thoại/Truyện ngắn/ Thơ/ Văn nghị luận.	3	0	4	1	0	1	0	1	60%
2	Viết	Viết được một bài văn nghị luận xã hội	0	1	0	1	0	1	0	1	40%
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100%
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

Thời gian làm bài: 90 phút

TT	Chương / Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn/Thơ	Nhận biết: - Nhận biết được phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt. - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản. - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản. - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn.	3 TN	4TN 1TL	1 TL	1TL

			- Xác định được hệ thống nhân vật, kết cấu, các thủ pháp nghệ thuật... Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể. - Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể. - Phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và/ hoặc lời của các nhân vật khác. - Giải thích được ý nghĩa, hiệu quả nghệ thuật của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu câu và biện pháp tu từ; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản. Vận dụng: - Thể hiện được thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm.			
		Thơ	Nhận biết: - Nhận biết được thể thơ, từ ngữ, vần, nhịp, các biện			

			pháp tu từ trong bài thơ. - Nhận biết được phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt. - Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ. Thông hiểu: - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Hiểu được nội dung chính của văn bản. - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Hiểu được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ... Vận dụng: - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân. - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu.				
		Văn nghị luận	Nhận biết: - Nhận biết được hệ thống luận điểm, luận cứ, dẫn chứng trong văn bản nghị luận. - Nhận biết được phong cách ngôn ngữ, sự kết hợp các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận, các biện pháp tu từ...				

			- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận một tác phẩm văn học. Thông hiểu: - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản. - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và dẫn chứng. - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích tạo lập văn bản. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; tác dụng của các biện pháp tu từ; công dụng của dấu câu; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản. Vận dụng: - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản.				
2	Viết	Viết bài văn nghị luận về tác phẩm truyện/ thơ.	Viết được một văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện/ thơ.	1*	1*	1*	1TL*
Tổng				3 TN	4TN 1TL	1 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

- **Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ.

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I

Môn: Ngữ văn - Lớp 10

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản:

ĐƯỜNG ĐI HỌC

Khúc khuỷu ruột dê ổ gà ổ chó
Đường dẫn con đi suốt tuổi thơ mình
Nhiều gai góc nhưng cũng đầy hoa cỏ
Vui rập rờn theo những cánh bướm xinh...
Mười cây số bốn mùa chân xuôi ngược
Manh áo nghèo mưa nắng bạc tóc hoe
Không ngăn nổi hồn nhiên chim sáo hót
Chiều vô tư ngõ đom đóm lập lòe
Ôi! Thương quá cái thời cơm công củ
Lén nhìn con cạo rá mẹ thờ dài
Bữa cháo bữa rau qua ngày giáp hạt
Túc tắc rồi con cũng lớn như ai.
Thêm một tuổi là con thêm một lớp
Bước dài hơn, đi đứng chững chạc hơn
Con đường cũ mở ra nhiều lối mới
Cánh bướm xưa vẫn bay lượn chập chờn.
Mê lộ đời lắm ngã ngang ngã dọc
Chợt xanh xang chợt heo hút dặm mòn
Đường đi học vẫn là đường đẹp nhất
Sớm muộn về vẫn có mẹ chờ con !

(Trích Từ khi có phượng, Nguyễn Ngọc Hưng, NXB Hội nhà văn, 2005, tr.7-8)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt chính là gì?

- | | |
|----------------|-------------|
| A. Miêu tả | C. Biểu cảm |
| B. Thuyết minh | D. Tự sự |

Câu 2. Từ “khúc khuỷu” thuộc từ loại nào?

- | | | | |
|------------|------------|-------------|------------|
| A. Danh từ | B. Động từ | C. Trạng từ | D. Tính từ |
|------------|------------|-------------|------------|

Câu 3. Câu thơ nào thể hiện vẻ đẹp thơ mộng của con đường đi học?

- | | |
|--|---|
| A. Khúc khuỷu ruột dê ổ gà ổ chó | C. Mười cây số bốn mùa chân xuôi ngược |
| B. Con đường cũ mở ra nhiều lối mới/ Cánh bướm xưa vẫn bay lượn chập chờn. | D. Mê lộ đời lắm ngã ngang dọc/ Chợt xanh xang chợt heo hút dặm mòn |

Câu 4. Ý nào sau đây **không** thể hiện đúng hoàn cảnh sống của tác giả trong bài thơ?

- | | |
|----------------------------|--------------------------------|
| A. Cơ cực, manh áo nghèo | C. Cơ cực, thiếu tình thương |
| B. Thiếu thốn, cơm công củ | D. Nghèo khổ, bữa cháo bữa rau |

Câu 5. Trong kí ức của tác giả, con đường đi học hiện lên như thế nào?

A. Khó khăn, thơ mộng

C. Gai góc, khúc khuỷu

B. Khúc khuỷu, gập ghềnh

D. Thơ mộng, gập ghềnh

Câu 6. Câu thơ “*Không ngăn nổi hồn nhiên chim sáo hót*” gợi ra hình ảnh một cậu bé

A. nhanh nhẹn như chim sáo.

C. hồn nhiên, vô tư.

B. đang nhảy chân sáo.

D. lạc quan, ca hát.

Câu 7. Ý nào khái quát nội dung chính của văn bản?

A. Kí ức về con đường đi học đầy gian khổ nhưng thơ mộng

B. Kí ức tuổi thơ gian khó gắn với con đường đi học và người mẹ tảo tần

C. Kí ức về những ngày gian khổ và người mẹ tảo tần

D. Kí ức về tuổi thơ hồn nhiên, tình nghịch bên mẹ

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Nêu hiệu quả của biện pháp tu từ nhân hóa được sử dụng trong câu thơ: “*Ôi ! Thương quá cái thời cơm công cửi*”.

Câu 9. Nhận xét về tình cảm, thái độ của tác giả đối với con đường đi học thể hiện trong bài thơ.

Câu 10. Trình bày ngắn gọn suy nghĩ của anh/chị về con đường đi học của mình.

II. VIẾT (4,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về bài thơ sau:

Thu Vịnh

Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,

Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.

Nước biếc trông như tầng khói phủ,

Song thưa để mặc bóng trăng vào.

Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,

Một tiếng trên không ngỗng nước nào?

Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,

Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào. (1)

(Thơ Nguyễn Khuyến- NXB Kim Đồng)

(1). Ông Đào: tức Đào Tiềm, tự Uyên Minh, từ quan về ở ẩn đời nhà Tấn, nổi tiếng thanh cao.

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

===== HẾT =====

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn: Ngữ văn lớp 10

PHẦN I (6,0 điểm)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	D	0,5
	3	B	0,5
	4	C	0,5
	5	A	0,5
	6	C	0,5
	7	B	0,5
	8	Hiệu quả của biện pháp tu từ nhân hóa được sử dụng trong câu thơ “Ôi! thương quá cái thời cơm công củ”: - Tạo hình ảnh, cảm xúc cho câu thơ - Làm nổi bật hoàn cảnh sống nghèo khổ, cơ cực của tác giả Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh chỉ trả lời một trong hai ý 0,25 điểm. * Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.	0,5
	9	Nhận xét về tình cảm, thái độ của tác giả đối với con đường đi học thể hiện trong bài thơ: - Tình cảm gắn bó, yêu thương - Thái độ trân trọng và tự hào. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0.5 điểm. - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25	1,0
	10	Trình bày ngắn gọn suy nghĩ của anh/chị về con đường đi học của mình: Học sinh có thể trình bày nhiều cách khác nhau miễn là suy nghĩ tích cực, hợp lí, thuyết phục. Giám khảo cần linh hoạt khi chấm. Sau đây là một số gợi ý : - Con đường đi học xa xôi, gian khó nhưng nó là con đường đẹp, gắn liền với tuổi thơ. - Con đường gần gũi, thân thuộc ngay trên chính quê hương mình. ... Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp, thuyết phục, diễn đạt tốt : 1,0 điểm. - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp, thuyết phục, diễn đạt chưa tốt : 0,5 điểm.	1,0

		- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời : 0,0 điểm.	
--	--	---	--

II. PHẦN LÀM VĂN (4,0 điểm)

Ý	Nội dung	Điểm
a	a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức bài văn: Mở bài- thân bài- kết bài	0.25
b	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Cảm nhận bài thơ Thu vịnh Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm. - Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.	0.25
c	c. Triển khai vấn đề nghị luận	2.0
	1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Giới thiệu tác giả Nguyễn Khuyến. - Giới thiệu về chùm thơ thu và bài thơ Thu Vịnh. Hướng dẫn chấm: - Học sinh giới thiệu đủ tác giả, tác phẩm: 0,25 điểm. - Học sinh xác định chưa đủ, chỉ nói được hoặc tác giả, hoặc tác phẩm: 0,0 điểm.	0,25
	2. Phân tích a. Hai câu đề: <i>Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao, Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.</i> - Mở đầu là hình ảnh bầu trời mùa thu xanh ngắt và cao vời vợi. Xanh ngắt là xanh thăm thẳm một màu; mấy tầng cao là tưởng như bầu trời có nhiều lớp, nhiều tầng. - Nghệ thuật lấy điểm tả diện, lấy động tả tĩnh trong câu thứ hai thường thấy trong thơ cổ điển, được Nguyễn Khuyến vận dụng rất tự nhiên và phù hợp. Cần trúc thanh mảnh khẽ đong đưa trước ngọn gió hắt hiu (gió nhẹ) càng tôn thêm vẻ mênh mông của bầu trời mùa thu. b. Hai câu thực: <i>Nước biếc trông như tầng khói phủ, Song thưa để mặc bóng trăng vào.</i> - Nước biếc là màu đặc trưng của nước mùa thu (trong xanh). Lúc sáng sớm và chiều tối, mặt ao hồ thường có sương, trông như tầng khói phủ. Cảnh vật quen thuộc, bình dị trở nên huyền ảo. - Hình ảnh Song thưa để mặc bóng trăng vào có sự tương phản giữa cái hữu hạn (song thưa) và cái vô hạn (bóng trăng), do vậy mà tứ thơ rộng mở, mênh mông ý nghĩa. - Cảnh vật trong bốn câu thơ trên được nhà thơ miêu tả ở những thời điểm khác nhau trong ngày, nhưng mỗi dây liên hệ giữa chúng lại là sự	1,25

	nhất quán trong cảm xúc của tác giả. c. Hai câu luận: <i>Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái, Một tiếng trên không ngỗng nước nào.</i> - Tâm trạng hoài cổ chi phối cách nhìn, cách nghĩ của nhà thơ. Hoa năm nay mà nghĩ là hoa năm ngoái. Tiếng ngỗng trời kêu quen thuộc mỗi độ thu về khiến nhà thơ giật mình, băn khoăn tự hỏi ngỗng nước nào? - Âm điệu câu thơ 4/1/2 như chứa chất băng khuâng, suy tư. Nhà thơ quan sát cảnh vật với một nỗi niềm u uất. d. Hai câu kết: <i>Nhân hứng cũng vừa toan cất bút, Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.</i> - Thi hứng dạt dào thôi thúc nhà thơ cầm bút, nhưng phần lí trí bưng thức khiến nhà thơ chột thấy thẹn với ông Đào. (Tức Đào Tiềm, nhà thơ nổi tiếng đời Đường bên Trung Quốc). - Nguyễn Khuyến thẹn về tài thơ thua kém hay thẹn vì không có được khí tiết cứng cỏi như ông Đào ? Nói vậy nhưng Nguyễn Khuyến vẫn sáng tác nên bài Thu vịnh để đời. - Câu thơ cuối bỏ lửng khơi gợi suy ngẫm của người đọc. Hướng dẫn chấm: - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 1,25 điểm. - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 0,75 điểm – 0,5 điểm. - Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm điểm.	
	3. Đánh giá - Đặc sắc nghệ thuật - Thu vịnh là một bài thơ hay, góp phần khẳng định tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước trong thơ Nguyễn Khuyến Hướng dẫn chấm: - Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm. - Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.	0,5
d	Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chính tả, ngữ pháp tiếng Việt Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
e	Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25

-----Hết-----

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com
<https://www.vn teach.com>